

Bản án số: 121/2021/HS-ST

Ngày: 09-12-2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Đ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Xuân Giới và ông Nguyễn Văn Bảy.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 105/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2021/HSST-QĐ, ngày 26/11/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên Phạm Quốc T, tên gọi khác không; sinh ngày 05/9/1990, tại Đ, Quảng Ninh. Nơi cư trú thôn Y, xã Y, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp lao động tự do; Trình độ học vấn 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1961; Vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày 09/7/2021, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn T sinh năm 1962, và bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1961, cùng địa chỉ thôn Y, xã Y, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, ông T có mặt, bà R vắng mặt.

- Người chứng kiến:

1/ Ông Bùi Văn Đ sinh năm 1962, trú tại khu T, phường Y, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

2/ Ông Nguyễn Văn H sinh năm 1974, trú tại khu Y, phường Y, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ 30 phút ngày 09/7/2021, tại khu Yên Lãng 3, phường Yên Thọ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, qua công tác tuần tra Công an thị xã Đ phát hiện

bắt quả tang Phạm Quốc T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ 02 (hai) túi nilon, kích thước (02x1,5)cm, bên trong mỗi túi đều chứa chất tinh thể màu trắng Tiên giấu trong tất đang đeo bên chân phải của Tiên.

Vật chứng vụ án: 02 (hai) túi nilon, kích thước (02x1,5)cm, bên trong mỗi túi đều chứa chất tinh thể màu trắng; Một xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Viva R, màu xanh, biển kiểm soát 16H6-2285, số khung BE42D-VN133818, số máy E412-VN133818 và một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130, gắn sim số 0989.231.045.

Theo Kết luận giám định số 1308/KLGĐ ngày 15/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Chất tinh thể màu trắng (ký hiệu M1, M2) trong hai túi nilon cùng kích thước (2x1,5)cm trong phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng như sau:

+ M1: 0,158gam (không thấy một trăm năm mươi tám gam)

+ M1: 0,134gam (không thấy một trăm ba mươi tư gam).

(Methamphetamine nằm trong Danh mục IIC, STT:323; Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ Ban hành các danh mục chất ma túy và tiền chất).

Quá trình điều tra, Phạm Quốc T khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, về nguồn gốc ma túy Tiên khai: Do có nhu cầu sử dụng ma túy, nên khoảng 20 giờ ngày 09/7/2021, bị cáo điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16H6-2285 là xe mượn của ông Phạm Văn T (bố đẻ của bị cáo) đi đến khu vực bờ sông thuộc phường Mạo Khê, thị xã Đ, bị cáo để xe mô tô trên bờ rồi đi Đò qua sông sang thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Sau đó bị cáo đi bộ đến khu vực cầu Hoàng Thạch mua của một người đàn ông không quen biết hai túi nilon ma túy với giá 400.000^d (Bốn trăm nghìn đồng) cất giấu vào trong tất đang đeo bên chân phải rồi đi Đò quay trở lại lấy xe mô tô. Khoảng 21 giờ 30 phút bị cáo điều khiển xe mô tô về đến khu Yên Lãng 3, phường Yên Thọ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh thì bị Công an thị xã Đ phát hiện, bắt quả tang và thu giữ ma túy.

Bản Cáo trạng số 108/CT-VKS-ĐT ngày 30-9-2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ đã truy tố Phạm Quốc T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Quốc T từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 09/7/2021, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo; Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự đề nghị tịch thu tiêu hủy vật chứng là số ma túy hoàn lại sau giám định theo niêm phong số 1308/KLGĐ; Trả lại cho bị cáo điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130, gắn sim số 0989.231.045.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T có lời khai trình bày: Nguồn gốc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Viva R, màu xanh, biển kiểm soát 16H6-2285, số khung BE42D-VN133818, số máy E412-VN133818 do ông mua của một người đàn ông không quen biết bên thành phố Hải Phòng với giá một triệu đồng, khi mua xe ông đưa tiền cho người đàn ông đó và người đàn ông đó giao xe và đưa giấy đăng ký xe cho ông. Việc Tiến sử dụng xe mô tô đi mua ma túy ông không được biết. Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ đã tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh và hiện nay ông đã được cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ trả lại chiếc xe mô tô nói trên và ông không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ đã truy tố là đúng, bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên và không tự bào chữa, và tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thị xã Đ, của Điều tra viên, của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Đ, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định hay tài liệu chứng cứ của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng và các tài liệu, chứng cứ được thu thập sử dụng tại phiên tòa của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ truy tố đối với bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Phạm Quốc T khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với vật chứng thu giữ, phù hợp với lời khai của những người chứng kiến, bản kết luận giám định cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 09/7/2021, tại khu Yên Lãng 3, phường Yên Thọ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh Phạm Quốc T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, mục đích để sử dụng thì bị bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Kết luận giám định số 1308/KLGD ngày 15/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: “Mẫu vật kí hiệu M1, M2 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng như sau: M1: 0,158gam (không phải một năm tám gam); M2: 0,134gam (không phải một ba bốn gam), tổng khối lượng hai mẫu vật 0,292gam (không phải hai chín hai gam). Bị cáo Phạm Quốc T nhận thức được hành vi tàng trữ chất ma túy là vi phạm pháp luật, tuy nhiên do mục đích để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân nên bị cáo vẫn cố ý

thực hiện. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Phạm Quốc T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Xét thấy trong vụ án này, bị cáo Phạm Quốc T có hành vi tàng trữ ma túy để sử dụng cho bản thân, lượng ma túy giám định là 0,292gam, là loại Methamphetamine. Như vậy hành vi phạm tội của bị cáo phải chịu trách nhiệm theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ, khách quan, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét nhân thân của bị cáo cho thấy: Bị cáo là người trưởng thành có nhận thức xã hội và nhận thức pháp luật, nhưng không tự tu dưỡng, rèn luyện bản thân nên đã tàng trữ trái phép chất ma túy với mục đích sử dụng, là thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Đánh giá tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội và gây mất an ninh trật tự tại địa phương, nhất là trong tình hình hiện nay, tệ nạn ma túy đang là hiểm họa lớn cho xã hội, gây nguy hại đến sức khỏe, đời sống của con người, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cho người sử dụng và là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác.

[7] Về hình phạt:

Sau khi xem xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần phải xử phạt bị cáo với một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội và phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Ngoài hình phạt chính, lẽ ra cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự, nhưng bị cáo tàng trữ ma túy để sử dụng không có mục đích kiếm lời, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về vật chứng và các vấn đề khác:

Số ma túy được hoàn lại sau giám định trong phong bì niêm phong số: 1308/KLGD là vật cấm tàng trữ lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130, gắn sim số 0989.231.045.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Viva R, màu xanh, biển kiểm soát 16H6-2285, số khung BE42D-VN133818, số máy E412-VN133818 Cơ

quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ đã trả lại cho ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T đã nhận lại chiếc xe mô tô nói trên và không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với người đàn ông theo lời khai của bị cáo là người đã bán ma túy, quá trình điều tra không rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Phạm Quốc T phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Phạm Quốc T 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 09/7/2021.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy số ma túy được hoàn lại sau giám định trong phong bì niêm phong số: 1308/KLGĐ;

Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130, gắn sim số 0989.231.045 nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao, nhận vật chứng số: 02, ngày 01 tháng 10 năm 2021 giữa Công an thị xã Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh).

3. Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần bản án sơ thẩm có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án sơ thẩm có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ

trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thị xãĐ;
- CA thị xãĐ;
- Cơ quan THAHS Công an thị xãĐ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS thị xãĐ;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường